

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 8 -2023.
V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ A

+ Ông Phạm Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Ngọc Tú, sinh năm 1991

Địa chỉ: 73k, tổ dân phố Dh 1, thị trấn Dên Khánh, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Văn V, sinh năm 1992

Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố D1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Ngô Ngọc Tú trình bày: Bà T và ông Võ Văn V tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D vào năm 2017. Trong thời gian chung sống giữa bà T và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai bên luôn bất đồng quan điểm, ông V không lo làm ăn, phụ giúp kinh tế gia đình, mà ham mê cờ bạc, hay gây nợ nần, bà T nhiều lần trả nợ và khuyên bảo nhưng ông V không thay đổi nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 6/2020, ông V bỏ nhà đi làm ăn xa nên vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bà T xác định không còn tình cảm với ông V nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly

hôn với ông V. Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung là Võ Thành A, sinh ngày 30/01/2018 và Võ A D, sinh ngày 06/01/2020. Bà T đang làm nhân viên khách sạn tại thành phố N, mức lương thu nhập hàng tháng 8.000.000đ; hiện các con chung và bà T đã sinh sống, cư trú tại nhà đất của cha mẹ ruột bà T tặng cho riêng bà T nên bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Theo đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và xem xét ý kiến được Văn phòng công chứng T, huyện D, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu chứng thực số 32 ngày 01/6/2023, bị đơn ông Võ Văn V trình bày: Ông V và bà T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017, được Ủy ban nhân dân xã D cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 29/8/2017. Quá trình chung sống, giữa ông V và bà T có nhiều sự bất đồng trong tính cách, lối sống. Từ năm 2020, ông V đi làm xa nên tình cảm vợ chồng nhạt dần. Vì vậy, bà T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông V tại Tòa án nhân dân huyện D. Ông V cũng đồng ý ly hôn với bà T và yêu cầu Tòa án nhA h chổng giải quyết cho ông V được ly hôn bà T. Về con chung: Ông V xác định giữa ông và bà T có 02 con chung là Võ Thành A, sinh ngày 30/01/2018 và Võ A D, sinh ngày 06/01/2020; ông V đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông V không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông V xác định giữa ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung. Do hiện ông V đang đi làm xa, công việc bận rộn và chi phí đi lại tốn kém nên ông V không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Vì vậy, ông V đề nghị Tòa án cho phép ông V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, các phiên họp và xét xử vắng mặt đối với ông V.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử về quA hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông V; Về con chung: Giao con chung là Võ Thành A, sinh ngày 30/01/2018 và Võ A D, sinh ngày 06/01/2020 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông V không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông V xác định không có nên không xem xét; Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Ngọc T và ông Võ Văn V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy bA nhân dân xã D, huyện

D nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong thời gian chung sống, căn cứ theo các lời khai của bà T và ông V đã trình bày tại hồ sơ vụ án, nhận thấy bà T và ông V đều xác định trong cuộc sống hôn nhân hai bên luôn xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp nhau về tình tình, quan điểm sống, cả hai đều xác định không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên đều đồng ý thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của bà T và ông V là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông V.

[3]. Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung là Võ Thành A, sinh ngày 30/01/2018 và Võ A D, sinh ngày 06/01/2020. Xét bà T có công việc, chỗ ở ổn định và ông V đồng ý giao 02 con chung trên cho bà T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét cần giao con chung là Võ Thành A và Võ A D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông V, bà T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Ngọc T và ông Võ Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung là Võ Thành A, sinh ngày 30/01/2018 và Võ A D, sinh ngày 06/01/2020 cho bà Ngô Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Võ Văn V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông V đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Ngô Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000052 ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã D (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ